TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **124**/2019/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa:

Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Chị **Đặng Thị Hồng N,** sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn D và chị Đặng Thị Hồng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Đặng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Anh Hoàng Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị Hồng N là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng). Thời hạn

cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019 trở đi cho đến khi cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2015 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là mỗi tháng nộp một lần.

Anh Hoàng Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung:* Anh Hoàng Văn D và chị Đặng Thị Hồng N cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Anh Hoàng Văn D và chị Đặng Thị Hồng N cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí:* Anh Hoàng Văn D phải chịu tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002157 ngày 14 tháng 6 năm 2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đặng Thị Hồng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;
(Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn